

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 20/8/2019  
V/v Chia tài sản chung sau khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa:* Ông Y Kam Ênuôl

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hồ Tùng Mận  
2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Vi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hiếu – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1140/2017/TLST-HNGĐ ngày 08/12/2017, về việc “Chia tài sản chung sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 09/7/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 74/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2019, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1980

Địa chỉ: 18/01 Đ, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện theo ủy quyền:* bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1977. Địa chỉ: 18/01 Đặng N, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Khắc B, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 51/26 T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1977. Địa chỉ: 18/01 Đ, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1971. Địa chỉ: 18/01 Đ, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

3. Bà Chu Thị Hồng L, sinh năm 1964. Địa chỉ: 159/8 Q, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phạm Văn N. Địa chỉ: 164 P, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:* Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 64/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14/02/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giữa tôi và ông Nguyễn Khắc B tự thỏa thuận với nhau về việc chia tài sản chung. Tuy nhiên, sau khi ly hôn chúng tôi không thống nhất được với nhau về việc chia tài sản chung là căn nhà cấp 4 và thửa đất có diện tích 150,9m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 900871 do UBND thành phố B cấp ngày 13/6/2019 cho ông Nguyễn Khắc B và bà Nguyễn Thị Ngọc H. Vì vậy, tôi yêu cầu tòa án chia toàn bộ tài sản trên do tôi và ông B đứng tên.

*\* Theo bản tự khai ngày 18/12/2017 bị đơn ông Nguyễn Khắc B trình bày:* Trong thời kỳ hôn nhân giữa tôi và chị Nguyễn Thị Ngọc H có mua căn nhà tại địa chỉ 51/26 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Nguồn gốc tài sản này chúng tôi có được là do mượn tiền của gia đình bên vợ tôi là chị Nguyễn Thị Ngọc H để mua. Vì vậy, tôi xác nhận tôi không có quyền gì để phân chia tài sản chung.

*\* Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:* Đối với tài sản và đất tại địa chỉ số 51/26 T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 900871 do UBND thành phố B cấp cho ông Nguyễn Khắc B và bà Nguyễn Thị Ngọc H vào ngày 13/6/2012 với diện tích là 150,9 m<sup>2</sup> là do ông Nguyễn Khắc B và bà Nguyễn Thị Ngọc H mượn tiền của gia đình tôi để mua, ông B không có công sức đóng góp gì đối với tài sản này, tài sản này thuộc quyền sở hữu và sử dụng của một mình bà Nguyễn Thị Ngọc H. Đối với tài sản trên đất là căn nhà cấp 4 có diện tích 79 m<sup>2</sup> được xây dựng trên đất đây là tài sản chung của bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Khắc B. Sau khi ly hôn giữa bà H và ông B không thống nhất về việc chia đối với tài sản là căn nhà cấp 4 có diện tích 79 m<sup>2</sup>. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột chia tài sản chung của ông B và bà H là căn nhà cấp 4 và công nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 900871 do UBND thành phố B cấp cho ông Nguyễn Khắc B và bà Nguyễn Thị Ngọc H vào ngày 13/6/2012 với diện tích là 150,9 m<sup>2</sup> là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị Ngọc H.

*\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:* đối với tài sản chung của bà H và ông B đứng tên là đều do mượn tiền của gia đình tôi để mua. Việc ông Nguyễn Khắc B vay mượn tiền của tôi đã được Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết bằng quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 120/2017/QĐST-DS ngày 06/12/2017. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án xác định và phân chia tài sản chung của bà H và ông B, để có cơ sở thi hành án kê biên tài sản và buộc ông B có nghĩa vụ trả nợ cho tôi toàn bộ số nợ.

*\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:* Đối với tài sản chung của bà H và ông B tôi không có ý kiến gì, nguồn gốc tài sản trên mà ông B và bà H có được là do vay mượn tiền của tôi. Việc ông Nguyễn Khắc B vay mượn tiền của tôi đã được Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết bằng quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 119/2017/QĐST-DS ngày 05/12/2017. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án xác định và phân chia tài sản chung của bà H và ông B, để có cơ sở thi hành án kê biên tài sản và buộc ông B có nghĩa vụ trả nợ cho tôi toàn bộ số nợ.

*\* Người đại diện theo ủy quyền của bà Chu Thị Hồng L trình bày:* Đối với tài sản chung của bà H và ông B tôi không có ý kiến gì. Hiện nay, ông Nguyễn Khắc B có liên quan đến khoản vay bà Chu Thị Hồng L với số tiền là 383.042.500 đồng và 4.320.000 đồng tiền chi phí giám định theo bản án số 49/2017/DS-ST ngày 11/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và khoản vay 621.128.700 đồng và 4.200.000 đồng tiền phí giám định theo bản án 04/2019/DS-PT ngày 15/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Hiện nay, đối với hai bản án này đã có hiệu lực pháp luật không liên quan đến tài sản chung của hai vợ chồng bà H và ông B. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án xác định và phân chia tài sản chung của bà H và ông B, để có cơ sở thi hành án kê biên tài sản và buộc ông B có nghĩa vụ trả nợ cho tôi toàn bộ số nợ cho bà Chu Thị Hồng L.

*Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án từ khi Tòa án thụ lý và tại phiên tòa sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự còn bị đơn ông Nguyễn Khắc B chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H. Giao toàn bộ tài sản là nhà và đất tại số nhà 51/26 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cho bà Nguyễn Thị Ngọc H nhận quản lý, sử dụng và bà H có trách nhiệm bù trừ lại ½ giá trị tài sản cho ông B tương đương với số tiền là 558.117.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra lại tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “Chia tài sản chung sau khi ly hôn”, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có nơi cư trú 51/26 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Khắc B và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H để tham gia phiên tòa nhưng ông B và bà H vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Khắc B và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Trong quá trình chung sống với nhau bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Nguyễn Khắc B thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân bà H và ông B có xác lập được khối tài sản chung là thửa đất số 104, tờ bản đồ số 49, đất có diện tích là 150,9m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 900871 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp cho ông Nguyễn Khắc B và bà Nguyễn Thị Ngọc H vào ngày 13/6/2012, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 với diện tích là 79m<sup>2</sup>. Địa chỉ thửa đất tại số 51/26 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tứ cận thửa đất:

- + Phía Bắc giáp với hẻm T có cạnh dài 7,61m
- + Phía Nam giáp với thửa đất 107 có cạnh dài 7,46m
- + Phía Đông giáp thửa đất số 105 có cạnh dài 20,27m
- + Phía Tây giáp thửa đất 103 có cạnh dài 19,74 m.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Khắc B khai trong quá trình tạo lập khối tài sản trên là do mượn tiền của gia đình bên chị Nguyễn Thị Ngọc H, do đó ông cho rằng không có đóng góp và quyền để chia tài sản trên. Trong quá trình khai và làm việc tại Tòa án bà Nguyễn Thị Ngọc H và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà H cho rằng, tài sản trên có được là do mượn tiền của gia đình mà có, ông B không có đóng góp công sức nhiều đối với tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 900871 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp cho ông Nguyễn Khắc B và bà Nguyễn Thị Ngọc H vào ngày 13/6/2012 và yêu cầu Tòa án chia toàn bộ tài sản trên đất là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 900871 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp cho ông Nguyễn Khắc B và bà Nguyễn Thị Ngọc H vào ngày 13/6/2012 với diện tích là 150,9m<sup>2</sup> và tài sản trên đất là căn nhà cấp 4 có tổng diện tích 79m<sup>2</sup>.

Hội đồng xét xử xét thấy, đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 49, đất có diện tích là 150,9m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 900871 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp cho ông Nguyễn Khắc B và bà Nguyễn Thị Ngọc H vào ngày 13/6/2012 và tài sản trên đất có 01 căn nhà cấp 4 với diện tích là 79m<sup>2</sup>, đều được xác lập trong thời kỳ hôn nhân và các bên cũng đều thừa nhận tài sản trên có được là do hai vợ chồng mượn tiền của gia đình để mua, do đó căn cứ vào Điều 33 Luật hôn nhân gia đình thì quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng

xét xử xác định đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 49, đất có diện tích là 150,9m<sup>2</sup> trên đất có 01 căn nhà cấp 4 với diện tích là 79m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 900871 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp cho ông Nguyễn Khắc B và bà Nguyễn Thị Ngọc H vào ngày 13/6/2012 tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông B và bà H, nên theo quy định của pháp luật là chia đôi.

Quá trình xem xét thẩm định và định giá tài sản thì toàn bộ tài sản trên có giá trị theo giá thị trường là 1.116.233.204 đồng. Quá trình triệu tập làm việc thì ông B thường xuyên vắng nhà, không có mặt tại địa phương, bà Nguyễn Thị Ngọc H có nguyện vọng được nhận toàn bộ tài sản, do đó Hội đồng xét xử cần giao cho bà H được nhận quản lý, sử dụng và bà H có nghĩa vụ phải trả lại ½ giá trị chênh lệch đối với tài sản cho ông Nguyễn Khắc B với số tiền là 558.117.000 đồng.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên là bà Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị Ngọc H, chu Thị Hồng L có cho ông Nguyễn Khắc B vay một khoản tiền, tuy nhiên đối với khoản nợ này đã được giải quyết bằng một bản án và quyết định có hiệu lực của Tòa án và không liên quan đến việc chia tài sản chung của bà H và ông B nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chi phí thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị Ngọc H tự nguyện chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản do bà Nguyễn Thị Ngọc H nộp theo phiếu thu số 20, quyển số 03 ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản được chia là 558.117.000 đồng: 20.000.000 + (158.117.000 đồng x 4%) = 26.325.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0004771 ngày 06/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Bị đơn ông Nguyễn Khắc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản được chia là 558.117.000 đồng: 20.000.000 + (158.117.000 đồng x 4%) = 26.325.000 đồng.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- *Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147; Điều 155, Điều 156, Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.*

- *Áp dụng: Điều 33, Điều 38; Điều 59; Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình.*

- *Áp dụng: Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.*

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Giao cho bà Nguyễn Thị Ngọc H được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 104, tờ bản đồ số 49, đất có diện tích là 150,9m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 900871 do UBND thành phố Buôn Ma Thuột cấp cho ông Nguyễn Khắc B và bà Nguyễn Thị Ngọc H vào ngày 13/6/2012, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 với diện tích là 79m<sup>2</sup>. Địa chỉ thửa đất tại số 51/26 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tứ cận thửa đất:

- + Phía Bắc giáp với hẻm T có cạnh dài 7,61m
- + Phía Nam giáp với thửa đất 107 có cạnh dài 7,46m
- + Phía Đông giáp thửa đất số 105 có cạnh dài 20,27m
- + Phía Tây giáp thửa đất 103 có cạnh dài 19,74 m.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả lại  $\frac{1}{2}$  giá trị chênh lệch về tài sản cho ông Nguyễn Khắc B với số tiền là 558.117.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

2. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị Ngọc H tự nguyện chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản do bà Nguyễn Thị Ngọc H đã nộp theo phiếu thu số 20, quyền số 03 ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

3. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 26.325.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0004771 ngày 06/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Bị đơn ông Nguyễn Khắc B phải chịu 26.325.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án này được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

\* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**Y Kam Ênuôl**